

QUAN NIỆM CỦA DUY THỨC HỌC PHẬT GIÁO VỀ TÂM VƯƠNG VÀ TÂM SỞ

Tóm tắt: Trong hệ thống triết học Phật giáo, Duy thức học có vai trò quan trọng, được xem là khoa học nêu rõ tính tướng nhân sinh vũ trụ, nêu rõ tính chất chỗ khởi điểm của tâm thức, những trạng thái, tư tưởng, tình cảm, hành động của con người, giải thích đầy đủ mối quan hệ giữa con người và các sự kiện xung quanh cũng như muôn vật trong vũ trụ, xuất phát từ tâm thức mà đều có ra. Vì thế, Duy thức học Phật giáo được nghiên cứu chi tiết sẽ làm phong phú và bổ sung những vấn đề cơ bản then chốt cho triết học Phật giáo nói riêng, triết học Ấn Độ nói chung. Bài viết luận giải quan niệm của Duy thức học Phật giáo về “Tâm vương” và “Tâm sở”, chỉ rõ vị trí và vai trò của chúng trong triết học Phật giáo.

Từ khóa: Triết học Phật giáo, Duy thức học, Tâm vương, Tâm sở.

Dẫn nhập

Duy thức học quan niệm rằng tất cả nhân sinh đều do thân mệnh, tất có ý thức. Trong sự nhận thức bao giờ cũng cần có hai phần kết hợp cấu tạo như: phần mình biết, phần bị biết. Như vậy, điều tất yếu là phải có hai phần từ kết hợp thành sự nhận thức, nhưng hai phần từ đó xuất hiện từ đâu? Chính là từ ý thức tâm não sinh ra, nhưng tâm não chỉ là cái mình biết, nếu không có cái bị biết thì không bao giờ hoàn thành sự nhận thức được. Chính vì vậy mà Duy thức học nêu rõ “Tính”, “Tướng” nhân sinh vũ trụ, nêu rõ tính chất chỗ khởi điểm của Tâm thức, những trạng thái, tư tưởng, tình cảm, hành động của con người, giải thích tất cả các mối quan hệ giữa con người với thế giới xung quanh, xuất phát từ Tâm thức mà ra. Cho nên Bát thức Tâm

* Đại học Khoa học Xã hội & Nhân văn, Hà Nội.

Ngày nhận bài: 09/3/2018; Ngày biên tập: 16/3/2018; Ngày duyệt đăng: 23/3/2018.

vương và 51 hành Tâm sở trong Duy thức học là căn bản của sự nhận thức thực “Tuống nhân sinh”. Xuất phát từ quan niệm về nhân sinh và sự nhận thức của con người, Duy thức học phân chia thành 100 pháp (Đại thừa Bách pháp) của mình lấy căn bản là Bát thức Tâm vương và 51 hành Tâm sở.

1. Bát thức Tâm vương

Tâm vương còn gọi là “Tâm pháp”, tức là “Tâm thức” trong mỗi con người, quyền thuộc của Tâm pháp (Vương) là Tâm sở - tức phát khởi từ Tâm vương (còn gọi là Tâm sở Hữu pháp). Tâm vương gồm có: *Alaya thức*, *Mạt na thức*, *Ý thức* và *Tiền ngũ thức*. Sở dĩ gọi chúng là Tâm vương, vì chúng tự tại, quyết đoán mọi sự kiện ở đời, giống như một ông vua trong triều đình, nên gọi là Tâm vương. *Từ điển Phật học* viết: “Tám thức như: Nhãn,... Mỗi thức đều có Tâm vương và Tâm sở. Bản thể của thức là Tâm vương, còn các tác dụng tách biệt như Tác ý, Xúc ý, Thụ... Tương ứng với nó mà khởi lên thì là Tâm sở hữu pháp, gọi tắt là Tâm sở. Do vậy Bát thức Tâm vương có nghĩa là Tâm vương của tám thức”¹. Hay trong *Thuật ngữ Duy thức học* viết: “Tâm vương là chủ thể tinh thần hay duyên ngoại cảnh là căn bản của nhận biết, là tự tính của thức. Tâm vương này bao hàm có tám thức: Nhãn, Nhĩ, Tỉ, Thiệt, Thân, Ý, Mạt na, Alaya thức, nên gọi là Bát thức Tâm vương. Theo Duy thức học thì nhất tâm được chia ra làm tám thức (mỗi thức có tác dụng riêng biệt)”². Tám thức Tâm vương gồm:

1) Nhãn thức: Chỉ sự phân biệt nhận thức của mắt, hiểu rõ các hình tướng. Trong *Kinh Thủ Lăng Nghiêm* có viết: “Nhãn sắc vi duyên, sinh ư nhãn thức (Nhãn căn và Sắc trần làm duyên, phát sinh Nhãn thức)”³.

2) Nhĩ thức: Chỉ sự phân biệt nhận thức của tai, nghe rõ các âm thanh. “Nhĩ thanh vi duyên, sinh ư nhĩ thức” (Nhĩ căn và Thanh trần làm duyên sinh ra Nhĩ thức).

3) Tỷ thức: Chỉ sự phân biệt nhận thức của mũi: thơm, thối, tanh, hôi... “Tỷ căn và Hương trần làm duyên, sinh ra Tỷ thức”.

4) Thiệt thức: Chỉ sự phân biệt nhận thức của lưỡi: đắng, cay, chua, mặn, ngọt, nhạt... “Thiệt vị vi duyên sinh ư Thiệt thức” (Thiệt căn và vị trần làm duyên sinh ra Thiệt thức).

5) Thân thức: Chỉ sự phân biệt nhận thức của thân: cứng, mềm, nóng, lạnh... “Thân xúc vi duyên sinh ư Thân thức” (Thân căn và Xúc trần làm duyên sinh ra Thân thức).

6) Ý thức: chỉ sự phân biệt nhận thức (bên trong và bên ngoài) của Ý. “Ý pháp vi duyên sinh ư Ý thức” (Ý căn và Pháp trần làm duyên sinh ra Ý thức).

7) Mạt na thức: Chỉ sự yêu thương, buồn giận, tình cảm của con người.

8) Alaya thức: là Thức căn bản, là sự sống, là tổng thể của các thức.

Năm thức trước có tác dụng vô cùng quan trọng, vì nó phân duyên nhận thức các sự vật, hiện tượng (ngoại cảnh). Năm thức này xuất phát từ năm căn. *Căn* là nơi phát thức để nhận biết sự kiện, sự vật xung quanh. Nếu không có nó, ta không thể biết được, hay nhận biết các đối tượng xung quanh (còn gọi là Trần cảnh). Vì thế mà trong Bát thức Tâm vương lại được phân định thành *Năm thức trước* (Tiền ngũ Thức - Năm thức trước), được hiện bày ra ngoài thân thể; *Ý Thức* (Trung thức - Thức trung gian) và *Mạt na thức, Alaya thức* (Tận nhị thức - Hai thức cuối). Dưới đây xin trình bày cụ thể.

Tiền ngũ thức (Nhân thức, Nhĩ thức, Tỷ thức, Thiệt thức, Thân thức): Năm thức trước hiển thị các giác quan trên cơ thể con người. Năm giác quan là những hiện tượng bên ngoài mà năm Tâm thức nương tựa để hoạt động. Năm giác quan hiểu biết của con người hay còn gọi là *Năm căn*, được chia thành: Phù trần căn và Tịnh sắc căn.

Về nguyên lý mà năm thức trước nó hay phát sinh ra các tác dụng duyên qua ngoại cảnh đó, là thức nào cũng tự nương dựa *Tịnh sắc căn* của nó. Tịnh sắc căn này, nó chỉ tiềm tàng tồn tại ở trong *Căn y xứ* của *Phù trần căn*. Nó tuy cũng là *Sắc pháp*, nhưng nhục nhãn của phàm phu chẳng thể thấy được nó, chiếu theo pháp Phật nói: Chỉ có *Thiên nhãn thông* mới có thể thấy được nó. Theo khoa học hiện nay thì gọi nó là thị thần kinh, thính thần kinh..., thì ta nhận biết nó là Tịnh sắc căn mà thôi.

Vì năm thứ *Tịnh sắc căn* ấy đều có công năng phát sinh ra thức, do đó mà gọi là *Tăng thượng duyên y* để phát sinh ra thức, cũng gọi là *Đồng cảnh y*. Thế nên năm thức này (Tiền Ngũ thức) nó đều tự có *căn y* của nó. Nhưng trừ riêng có *câu hữu y* cho cả chung, năm thức đều có:

a) Đồng cảnh y: Có nghĩa là Năm sắc căn đều thủ lấy hiện cảnh (căn tiếp xúc với cảnh).

b) Phân biệt y: Chỉ cho thức thứ sáu (Đệ lục Ý thức), vì nó cũng *Y đồng duyên cảnh* rồi phân biệt.

c) Nhiễm tịnh y: Chỉ cho đệ thất Mạt na thức và tiền ngũ thức, vì do thức này (thức thứ 7) hễ nhiễm ô, thì năm thức trước hành động thành hữu lậu; nếu như thức này (thức thứ 7) hễ thanh tịnh, thì năm thức trước hành động thành vô lậu.

d) Căn bản y: Chỉ cho thức thứ 8 (Đệ bát Alaya thức): Vì năm thức trước đều y nơi đây để được sinh khởi. Thì thức thứ 8 là thức căn bản, còn năm thức trước là *Chi diệp* (là phụ thuộc nơi căn bản thức), vì các thức đều y nơi *Căn bản thức* từ đó mà sinh khởi, nên gọi là *Căn bản y*. Căn bản y là tổng thể của các thức, có nó thì tất cả các thức đều y nơi nó mà có, không có nó thì tất cả các thức đều không, nên gọi là *Căn bản y*. Căn bản y bao gồm bốn y trên (Đồng cảnh y, Phân biệt y, Nhiễm tịnh y, Căn bản y), là cộng thêm Hữu y của năm thức trước.

Điều chú ý: Nếu trên bốn y, là *Cộng hữu y* mà chỉ có hai cái *Căn y* và *Cộng y*, thì chẳng đủ điều kiện để phát sinh cái *Tâm thức*, do đó phải mượn ngoại duyên là những điều kiện bên ngoài, mới có thể sinh khởi cái *Biết* (thức) ra được. Ví dụ: Khi *Nhãn thức* phát sinh, nếu không đủ chín duyên thì nó không thể phát sinh được. Chín duyên đó gồm có: *Không*, *Minh* (ánh sáng), *Căn*, *Cảnh*, *Tác ý*, *Căn bản y*, *Nhiễm tịnh y*, *Phân biệt y*, *Chủng tử y*. Nhờ 9 y này tác động hỗ trợ nhãn thức mới sinh hoạt được. Nếu y theo Thiên nhãn, thì trừ ra hai duyên: *Minh*, *Không*, còn lại phải hội đủ bảy duyên mới sinh ra thức được. Nếu thiếu một duyên nào trong bảy duyên, thì Thiên nhãn không thể nào phát sinh ra *Thức* được. Khi Nhĩ thức phát sinh, cũng phải có tám duyên trong chín duyên, trừ *Minh*. Còn ba thức Tỷ, Thiệt, Thân phải hội đủ bảy duyên, tức là trừ hai duyên *Minh* và *Không*.

Tuy nhiên, đối với Nghĩa *cảm lấy cảnh* (thủ cảnh) của năm thức trước, nó lại còn có chỗ chẳng đồng nhau là *Ly*, hợp với nhau là *Hiệp*.

Trung thức - thức trung gian (Ý thức): Thức (Phạm: Vijnana): tức tác dụng của tinh thần nhỏ nhiệm (Tâm sở) mà Ý thức nương có nhiều

loại và cũng khác với tác dụng tinh thần (Tâm vương) có tính tổng hợp bất toàn bộ đối tượng của Tâm, Ý, Thức. Nói theo nghĩa hẹp thì Ý thức chỉ cho thức thứ sáu, trong 6 thức hoặc 8 thức.

Trong Bát thức Tâm vương, Ý thức là một thủ lĩnh tạo nghiệp hơn hết (nghiệp thiện hoặc nghiệp ác). Vì thế trong Duy thức luận gọi là: *Công vi thủ, tội vi khôi* (có công thì nó đứng đầu, có tội cũng chẳng phải nhỏ). Đệ lục ý thức, còn gọi là *Minh liễu phân biệt thức*, sự biệt rõ các cảnh và là bản thể của nó, tức là tự *Chứng phân*; sự biết rõ cảnh cũng lại là công dụng của nó, tức là *Kiến phân*, cho nên nói: lấy liễu cảnh làm *Tinh - Tướng* của nó. Vì vậy, trong *Duy thức Tam Thập Tụng* có viết:

Liễu cảnh vi tính tướng

Thiện bất thiện câu phi

Nghĩa:

Liễu cảnh làm tính tướng

*Phi thiện, phi ác tính*⁴.

Thực ra, thì *Thức* nào cũng liễu cảnh, nhưng đối với *Đệ lục Ý thức* thì đặc biệt hơn cả, vì nó liễu được những cảnh rõ ràng, ai cũng dễ nhận thấy, hay nó vừa liễu cảnh bên trong (nội giới cảnh), vừa liễu cảnh bên ngoài (ngoại giới cảnh). Nhận rõ hơn thức thứ 7, thức thứ 8 cũng liễu cảnh, nhưng chỉ liễu cảnh được những cảnh vi tế, không ai nhận thấy được, cho nên không gọi là *Thức liễu cảnh*. Vì vậy, Duy thức học coi *Đệ lục Ý thức* là một thủ lĩnh tạo nghiệp thắng lợi nhất, vì con người thường có những tác động nơi tâm lý, như: tư tưởng, tình cảm,... đều là những cái công dụng của Đệ lục Ý thức. Theo *Kinh Lăng Già Tâm Ấn*:

Tạng thức gọi là Tâm

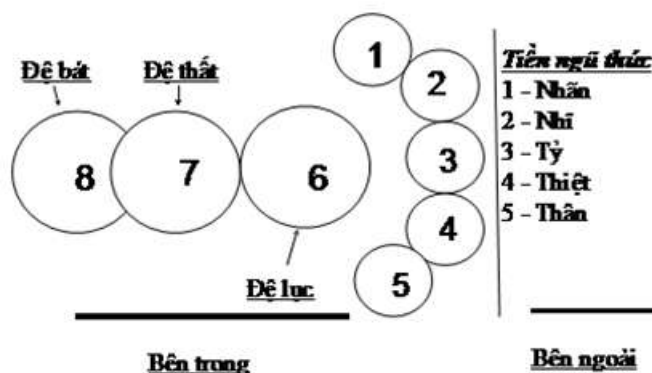
Tính tư lương gọi ý

Liễu biệt tướng các cảnh

Chung gọi đó là Thức⁵.

Chính vì thế mà *Đệ lục Ý thức* là một thức nằm giữa *Tiền ngũ thức* và *Đệ Thất Mạt na thức*. Vì không có Căn, nên Đệ lục Ý thức lấy Đệ thất Mạt na thức làm Căn, do đó mà Đệ thất còn gọi là Ý căn, và Đệ

lục hay duyên Đệ thất và Đệ bát làm Câu hữu y, nếu không có Đệ thất và Đệ bát thì Đệ lục không thể nào hiện khởi được, vì tính chất ấy mà nói Đệ thất và Đệ bát là Câu hữu y của Lục Ý thức. *Đệ lục Ý thức* tương ứng với tất cả 51 ngôi Tâm sở, nên phạm vi hoạt động của nó cũng rất sâu rộng⁶, nên nó vừa tạo nghiệp, vừa dẫn nghiệp, vừa mãn nghiệp, chính do Đệ lục Ý thức chủ động.



Tận nhị thức - hai thức cuối cùng

Mạt na thức: Đệ thất thức phạn ngữ là Manas, người Trung Hoa dịch là Ý. Mạt na có nghĩa là Ý, không phải ý thức mà là Ý căn, tức là Căn của Ý thức. Hay nói cách khác, Ý chỉ làm Căn cho Đệ thất Mạt na, nói rõ hơn nó là chỗ Sở y của Đệ lục Ý thức. Thức này mang ý nghĩa *Hằng thâm tư lương*.

Hằng: Thường hằng. Thâm: Thâm sát. Tư lương: là nghĩa của chữ *Tư* là một trong pháp Ngũ biến hành mà cũng lại là nghĩa của chữ *Huệ* là một trong pháp Ngũ biệt cảnh. Dem hai chữ *Tư Huệ* hiệp lại thành nghĩa *Tư lương*. Chữ *Lương* cùng một ý nghĩa như chữ *Huệ*.

Thức thứ 8 (Alaya thức) *Hằng* mà không *Thâm*; còn Đệ lục Ý thức *Thâm* mà không *Hằng*, 5 thức trước thì không *Hằng* mà cũng không *Thâm*. Trong khi ấy, chỉ có Đệ thất Mạt na thức vừa *Hằng* và *Thâm*, tức *thường Hằng, thường Thâm*, để thâm quyết Tư lương nơi Ngã tướng, bởi nguyên do: Vì thức này luôn luôn *Chấp ngã*, do đó mà tất

cả loài hữu tình cũng vì nhân cái *Chấp* đó mà đi sâu mãi vào con đường hôn mê sinh tử, đến nỗi không bao giờ thoát ra được.

Thứ thứ 7 (Đệ thất Mạt na thức), nó cũng có tên *Ý*, vì sao không gọi là *Ý thức* mà lại chỉ gọi là Mạt na. Vì đây là vấn đề trong Kinh Luận có 3 thứ ý nghĩa:

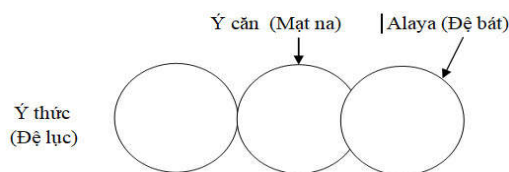
(i) Sợ lầm lẫn, lộn xộn với *Ý thức* thứ 6, nên không gọi là *Ý thức*.

(ii) Với *Thức* ấy, tuy đồng thời cũng có thể gọi là *Tâm*, và cũng có thể gọi là *Thức*, nhưng về ý nghĩa tích cực là *Tâm* với nghĩa liễu biệt là *Thức*, thì nó đều không hợp với các thức khác. Nếu chỉ về ý nghĩa *Tư lương*, thì mặc dù thức nào cũng *Tư lương*, nhưng về *Tư lương* của thức thứ 7 thì vượt hơn cả, tức chỉ *Tư lương Hằng - Thâm*.

(iii) Đối với thức thứ 7, thì thức thứ 6 gần gũi với nó, làm chỗ nương tựa, tức là thức thứ 7 lấy nó làm căn sở tri, mà được cái tên *Ý thức* cái ý nơi *Căn sở y* kia, nó đương nhiên là thức thứ 7. Vì nó có 3 yếu tố ấy, nên không gọi nó là *Ý thức*, mà chỉ gọi nó là *Ý* và Mạt na mà thôi.

Thứ thứ 7 chỉ chuyên chấp trước lấy cái *phân thảy* (Kiến phần) của thức thứ 8 để làm Ngã (Chấp ngã). Thật ra, nó chẳng phân biệt với cảnh 6 trần (lục trần), cũng không đối đãi với các loài hữu tình khác, để phát sinh sự giao tiếp, và nó cũng không có *thiện* hay *bất thiện* rõ ràng. Do sự quan hệ của nó (thức thứ 7) là từng mỗi niệm *Chấp ngã* đó, nên có thể ảnh hưởng tới Tiền lục thức (6 thức trước), thành ra trường hợp không thanh tịnh, và bản tính của nó mặc dù là *vô ký*, nhưng nó có cái *Ngã chấp* che đậy, nên nhân đó cũng thành ra cái *Hữu phú vô ký*. Bởi vậy, Mạt na thức y như nơi Alaya thức, để được duyên nơi *Kiến phần* của Alaya, nhưng khi nó phát thức, thì cần phải đủ có 4 duyên: Câu hữu y; Tác y; Sở duyên duyên; Chủng tử năng duyên.

Hình thái của Mạt na và Alaya; Tâm Ý Thức



Đệ thất Mạt na liên hệ chặt chẽ với Alaya

Theo *Duy Thức Tam Thập tụng* nói về Đệ thất Mạt na thức, nó được hình thành bởi Alaya thức:

Y bi chuyển duyên bi

Tư lương vi tính tướng

Nghĩa:

Y nơi kia rồi lại duyên kia

Lấy tư lương làm tính, làm tướng⁷.

Trường hợp này: Giống như ngọn đèn lấy lửa nóng làm tính, lấy ánh sáng làm tướng, tức có từ Alaya thức, rồi duyên lại Alaya thức.

Để hiểu rõ về Đệ thất Mạt na thức: thức thứ 7 tương ứng với các phiền não: Ngã si - Ngã kiến - Ngã mạn và Ngã ái, lúc nào cũng thẩm xét, chấp trước Kiến phần của Đệ bát Alaya làm *Ngã* và *Ngã sở*. Vì thế tính chất đặc biệt của nó là *Hằng thẩm tư lương* (luôn luôn tính toán so lường). Lại vì thức này, là nguồn gốc của Ngã chấp, nên nếu chấp trước mê vọng thì tạo các ác nghiệp, trái lại khi đoạn trừ phiền não, ác nghiệp, thì triệt ngộ chân lý *nhân không pháp không*, cho nên gọi là *Nhiễm tịnh thức*, hay cũng gọi là *Tư lương thức*, *Tư lương năng biến thức*.

Hơn nữa, từ vô thủy đến nay, thức này ngấm ngấm Tương tục, không dùng sức bên ngoài, chỉ tự nhiên sinh khởi, cho nên tính chất của nó là *Hữu phú vô ký*.

Alaya thức: Tiếng Phạn gọi là Alaya, người Trung Hoa dịch là *Tàng thức*. Thức này có công năng chứa đựng chủng tử của các pháp. Ở đây, *Thức* là thể mà *chứa* là dụng. Hiệp cả *Thể* và *Dụng*, nên gọi là *Thức chứa* (Tàng thức).

Thức này có công năng tàng chứa và duy trì chủng tử, căn thân, thể giới và chịu cho các pháp hiện hành huân vào (vì tàng chứa, tính tập nên cũng gọi là Tâm).

Thức này làm ông chủ, vì khi chúng hữu tình chết thì nó đi sau, còn khi đầu sinh thời, nó lại đến trước.

Thể và Dụng của thức này rất sâu rộng vô cùng, hàng phạm Phu và Nhị thừa không thể thấu tột. Vì chúng hữu tình từ vô thủy đến nay cũng do thức này mà sinh tử tương tục không cùng tột. Cổ nhân có viết về thức này:

Anh em tám chú, một chàng si (Thứ thứ bảy)

Duy có Ý thức rất linh ly (khôn ngoan)

Năm người ngoài cửa lo buôn bán

Làm chủ trong nhà đệ bát y (Thứ thứ tám).

Trong *Luận Đại thừa 100 pháp* và *Duy thức Tam Thập Tụng* gọi tám thức là Tâm vương: *Nhất thế tới thắng cố* tức là tám món thức, cũng chính là tám món tâm này rất thù thắng, tự tại, tự chủ, ví như quốc Vương nên gọi là Tâm vương.

Tóm lại, *Alaya thức* có ba công năng chủ yếu: tàng chứa, giữ gìn (chấp trì) chủng tử của các pháp; giữ chịu (chấp thụ) Căn, Thân và thế giới; giữ lấy (chấp thủ) việc kết nối đời sau.

Đứng về mặt phương diện của *Bát thức Tâm vương* như đã trình bày ở trên, để Bát thức Tâm vương chuyển *Thức* thành *Tri* thì cần đến 51 hành Tâm sở. Vậy 51 hành Tâm sở là gì?

2. Hành tâm sở

Theo *Từ điển Phật học* thì Tâm sở chính là “từ gọi tắt của Tâm sở hữu pháp. Là Tâm sở pháp sở hữu của Tâm vương, nhưng có các tác dụng riêng biệt như Tham, Sân... Tiểu thừa Câu Xá có 44 pháp. Thất thập ngũ pháp. Đại thừa duy thức có 51 pháp. Ngũ vị”⁸.

Trong *Thuật ngữ Duy thức học* viết: “Tâm sở cũng gọi là Tâm số, Tâm sở hữu pháp, tâm số pháp. Những tác dụng của Tâm, tương ưng và tồn tại cùng lúc với Tâm, là một trong 5 ngôi vị”⁹.

Hay *Tâm sở*: Là những hiện tượng tâm lý phụ thuộc nơi Tâm vương, chỉ yểm trợ và giúp đỡ các Tâm vương trong sự hiểu biết vạn pháp. Nói cách khác, Tâm sở theo nghĩa Duy thức là những tâm lý lệ thuộc Tâm vương, thừa hành và yểm trợ cho các Tâm vương trong mọi lĩnh vực hiểu biết vạn pháp, nên gọi là Tâm sở.

Bởi vậy *Tâm sở*, hoặc *Tâm sở hữu pháp*, là những yếu tố phụ thuộc vào Tâm, gắn liền với một số nhận thức - nhận thức đây cũng được gọi là Tâm vương, là hoạt động tâm thức chủ yếu - đang sinh khởi và khởi lên đồng thời với nhận thức đó. Việc phân tích và hệ thống hóa các Tâm sở là một kỳ công của các Đại luận sư Ấn Độ. Các Tâm sở

miêu tả tất cả những khía cạnh tâm trạng mà ai cũng có thể tự khám phá, tìm được nơi chính mình - có thể gọi là bản đồ tâm lý của con người.

Trong Duy thức, phân biệt 51 loại Tâm sở. Đại sư Vô Trước phân chia 51 Tâm sở này thành sáu loại trong *Đại thừa A Tì Đạt Ma Tập Luận*:

Biến hành Tâm sở: có 5 Biến hành Tâm sở, năm loại tâm pháp lúc nào cũng hiện hành xuất phát cùng với một Tâm vương, gồm có: Xúc; Tác ý; Thụ; Tưởng; Tư, tương ứng với tất cả Tâm và Tâm sở.

Biệt cảnh Tâm sở: có 5 Biệt cảnh Tâm sở năm loại tâm pháp xác định ngoại cảnh: Dục; Thắng giải; Niệm; Định; Huệ, Chỉ duyên (nương) theo các cảnh khác nhau mà sinh khởi.

Thiện Tâm sở: có 11 Thiện Tâm sở, Tín; Tàm; Quý; Vô tham; Vô sân; Vô si; Tinh tiến; Khinh an; Bất phóng dật; Xả; Bất hại.

Căn bản phiền não Tâm sở: có 6 Căn bản phiền não Tâm sở, Tham; Sân; Si; Mạn; Nghi; Kiến cũng được gọi là Ác kiến.

Kiến cũng thường được chia ra làm 5 loại:

Thân kiến: một kiến giải cho rằng thân thể được tạo bằng *Ngũ uẩn* là một cái “ta”, là “cái của ta”;

Biên kiến: một kiến giải liên hệ đến phiền não, cho rằng cái “ta” được tạo bằng *Ngũ uẩn* là một cái gì đó thường còn, vĩnh viễn (thường kiến) hoặc ngược lại, là một cái gì đó bị đoạn diệt, không có gì tiếp nối giữa hai cuộc sống con người (Đoạn kiến);

Kiến thủ kiến: kiến giải cho rằng một kiến giải bất thiện hoặc *Ngũ uẩn*, cơ sở xuất phát của kiến giải bất thiện này là những điều tuyệt hảo. Kiến giải bất thiện trong trường hợp này là Thân kiến, Biên kiến;

Giới cấm thủ kiến: là một kiến giải cho rằng, những quy tắc xử sự sai hoặc những lời hướng dẫn tu tập sai - như tự xem mình như con thú và bất chước thái độ của nó, hoặc *Ngũ uẩn*, cơ sở của những việc sai trái trên là điều hay nhất;

Tà kiến: kiến phủ nhận cái gì thật sự tồn tại, thêm dặt thêm vào những gì thật sự không có.

Tùy phiên nã Tâm sở: có 20 Tùy phiên nã Tâm sở,

1) Phẫn nộ: *nóng nảy*; 2) Hận: *uất ức, tâm thù oán*; 3) Phú: *che dấu tội lỗi, đạo đức giả*; 4) Nã: *làm bực bội phiên nhiều*; 5) Tật: *ganh ghét vì thấy người ta hơn mình*; 6) Xan: *tham lam, ích kỉ*; 7) Xiêm: *giả dối, nói mình có những đức tính tốt mà thật ra thì không có*; 8) Cuồng: *gian lận, dối gạt, lừa lọc*; 9) Hại: *tâm ác độc, giết hại*; 10) Kiêu: *tự phụ*; 11) Vô tâm: *không tôn kính, không biết hổ thẹn về việc tội lỗi mình đã làm*; 12) Vô quý: *tâm không biết sợ trước tội quá, không biết hổ thẹn đối với người khác khi phạm tội*; 13) Hôn trầm: *tâm chìm đắm, lờ đờ, thiếu linh động, nhạy bén*; 14) Trạo cử: *xao động không yên*; 15) Bất tín: *không tin tưởng*; 16) Giải đãi: *tâm trạng không tinh tiến, biếng nhác*; 17) Phóng dật: *lự chự, không chủ động, thiếu chủ động*; 18) Thất niệm: *chóng quên, không chú tâm*; 19) Tán loạn: *hiểu lung tung, không bình tĩnh*; 20) Bất chính tri: *hiểu biết sai*.

Bất định Tâm sở: có 4 Bất định Tâm sở, bất định bởi vì các Tâm sở này thay đổi giá trị tùy theo các Tâm vương. Chúng bao gồm:

1) Hối: *hối hận*; 2) Miên: *lờ đờ buồn ngủ*; 3) Tầm: *suy nghĩ, tìm hiểu dạng thô*; 4) Tư: *suy nghĩ, tìm hiểu dạng tinh tế*.

Cách phân chia như trên của Duy thức học được xem là bước tiến triển cuối cùng trong việc phân tích, phân loại các Tâm sở và cũng là bản phân loại tiêu chuẩn cho tất cả những trường phái Bắc truyền tại Trung Quốc, Nhật Bản, Việt Nam và Tây Tạng.

3. Vị trí của Tâm vương và Hành tâm sở

Duy thức học phân lập thành năm vị và trăm pháp. Năm vị là Tâm pháp (cũng gọi là tâm vương), Tâm sở pháp, Sắc pháp, Bất tương ưng hành pháp và Vô vi pháp. Trong năm vị này thì Tâm vương và Tâm sở pháp có vị trí quan trọng. Tâm vương và Tâm sở pháp luôn giữ vị trí hàng đầu. Bởi theo quan niệm của Duy thức, các vật tượng về khách quan đều do tâm thức chủ quan mà biến hiện, cho nên Tâm vương và Tâm sở đóng vai trò quan trọng và được xếp ở vị trí hàng đầu, còn sắc pháp và Bất tương ưng pháp, vô vi pháp thì kế sau đó.

Xuất phát từ mục đích và nguồn gốc của Duy thức học mà các luận sư đề cao vai trò của *Bát thức Tâm vương và 51 Hành tâm sở* như là

sở năng tuyệt diệu và làm trọng yếu trong Duy thức học. Nội dung chính bàn luận xoay quanh các nội dung của bát pháp nhưng rồi để lại trở về với gốc ban đầu của nó là Bát pháp Tâm vương mà quan trọng nhất là Alaya thức (thức thứ tám). Cõi đó cũng như là nguồn gốc để tạo thành của mọi vũ trụ. Khi nói về điều này Đại sư Thái Hư có viết: “Sự truy nguyên nguồn gốc của thế giới và con người từ vật chất (duy vật luận) hay từ tâm (duy tâm luận) hoặc từ thần ngã lẫn tự tính (nhị nguyên luận) đều trở thành cái nhận thức phiến diện về thế giới thực tại. Theo thuyết duyên khởi, Phật giáo đã gạt bỏ khoa học, khi cho rằng vũ trụ là mạng lưới tương tức, tương thuộc đa chiều theo nguyên lý “cái này có cái kia có, cái này không, cái kia không”¹⁰ và ngược lại. Tất cả đều thuộc về Bát thức Tâm vương, đều do tâm và vốn là các chấp trước của tâm do trần cảnh.

Tâm vương có vị trí hàng đầu, ngoài sáu thức nhãn, nhĩ, ty, thiệt, thân, ý, thì có hai thức quan trọng thể hiện bản chất, sự khác biệt của Duy thức học đó là Mạt na và Alaya thức. Năm thức trước đều nương theo tác dụng cảm giác của chúng, mỗi thức duyên vào một cảnh. Chỉ có ý thức thứ sáu, có thể duyên khắp và phân biệt được tất cả các cảnh như hồi tưởng, việc quá khứ, dự trừ việc tương lai. *Mạt na thức* (Manas) là tiếng Phạn, Trung Quốc dịch là Ý, nghĩa là Tư lương (suy nghĩ và đo lường). Thức này là gốc của ý thức, nó ở bên trong và duyên kiến phần (phần nhận thức) của Alaya thức, nhận lầm là thực ngã, thực pháp. Hai thứ mê chấp sai lầm về ngã và pháp đó, chính là nguyên nhân khiến chúng ta gây tạo ác nghiệp và đắm chìm trong sinh tử. *Alaya thức* cũng là tiếng Phạn, Trung Quốc dịch là *Tàng*, nghĩa hàm tàng. Chủng tử (hạt giống) của vạn hữu trong vũ trụ đều chứa cất trong đó, cho nên gọi là tàng thức. Chữ Tàng gồm có ba nghĩa là *năng tàng*, *sở tàng* và *chấp tàng*. *Năng tàng* là thức có thể chứa cất chủng tử của tất cả các pháp. *Sở tàng* là vì bảy thức trước huân tập thành chủng tử của tất cả các pháp, được cất giấu trong thức thứ tám, lấy thức thứ tám làm chỗ cất chứa. *Chấp tàng* là vì thức thứ bảy mê chấp kiến phần của thức thứ tám là thực ngã thực pháp. Do đó, thức thứ bảy là năng chấp trì và thức thứ tám là sở chấp trì. Thức này cũng gọi là chấp tàng. Sáu thức trước được ví “lúc sinh, lúc diệt như sóng của nước”¹¹.

Thức Mạt na từ vô thủy, luôn tiếp diễn, mê chấp ngã pháp, “ví như dòng nước của sông”. Còn Alaya thức cũng như bản thể của nước. Tính chất của thức thứ bảy và thức tám đều là *không lành, không dữ*, nên đều gọi là *vô ký*. Thức thứ tám là vô phú vô ký, thức thứ bảy là hữu phú vô ký, cả hai đều không giống sáu thức trước, thông cả ba tính chất thiện, ác và vô ký (không phân biệt được thiện hay ác).

Trong Duy thức học, Tâm sở pháp kế theo Tâm vương, vị thức của chúng có rộng hẹp khác nhau. *Một là* biến hành tâm sở, là loại tâm sở thông cả ba tính chất thiện, ác, vô ký và được cùng sinh khởi với tất cả Tâm vương. *Hai là* Biệt cảnh tâm sở là loại tâm sở mỗi thức duyên một cảnh riêng mà sinh khởi. *Ba là* thiện tâm sở, là loại tâm sở tương ưng với thiện tâm mà sinh khởi. *Bốn là* Phiền não tâm sở, là loại tâm sở khuấy rối thân, tâm, chúng ta và làm căn bản cho các phiền não khác. *Năm là* Tùy phiền não tâm sở, là loại tâm sở do căn bản phiền não mà sinh ra. *Sáu là* Bất định tâm sở, là loại tâm sở hoặc thiện hoặc ác không thể quyết định được.

Nếu đem phân phối với tám thức thì thức A-lại-da chỉ tương ứng với tâm sở biến hành. Thức Mạt na tương ứng với 18 tâm sở, là năm thức biến hành, một thức huệ trong biệt cảnh, bốn thức tham, si, kiến, mạn trong phiền não, và tám thức bất tín, giải đãi, phóng dật, hôn trầm, trạo cử, thất niệm, bất chính tri và tán loạn trong tùy phiền não. Thức thứ sáu tương ưng hoàn toàn với tất cả 51 tâm sở, cho nên rất sáng suốt. Còn năm thức trước, tương ưng với 34 tâm sở, là năm thức biến hành, năm thức biệt cảnh, mười một thức thiện, ba thức tham, sân, si trong phiền não và mười thức vô tà, vô quý, bất tín, giải đãi, phóng dật, hôn trầm, trạo cử, thất niệm, bất chính tri, tán loạn trong tùy phiền não.

Vì luôn xác định vị trí hàng đầu trong Duy thức học thuộc về Bát thức Tâm vương và 51 Hành Tâm sở nên trong toàn bộ nội dung của mình, các luận giả đã đề cao vai trò của chúng tử và hiện hạnh, tuy có sự phân lập trăm pháp nhưng lấy Tâm vương làm chủ yếu. Trong Tâm vương, các luận sư Ấn Độ và Trung Quốc lại lấy Alaya thức làm căn bản. Trong trăm pháp, tất cả trừ vô vi, thì đều do chúng tử chứa cất trong thức này mà sinh khởi. Chúng tử lại tùy theo duyên huân tập của bảy thức trước, trong đó chia ra hữu lậu và vô lậu. Nếu vô lậu đắc thế

thì gọi là chủng tử thiện. Nếu hữu lậu đắc kế thì gọi là chủng tử ác. Mỗi thứ có đủ năng lực vô hạn, nhân đó mà phát sinh tất cả vạn hữu trong vũ trụ tùy ở mỗi loại mà biểu hiện biến hóa vô cùng. Cho nên, Duy thức học căn cứ vào A-lại-da thức trong Bát thức Tâm vương lập thành căn bản duyên khởi của muôn pháp.

Trong Alaya thức, chủng tử là nhân của hiện hạnh; hiện hạnh là quả của chủng tử. (Chủng tử là năng lực đang tiềm tàng; hiện hạnh là sự phát sinh của năng lực ấy).

Khi đề cập đến hữu lậu cũng như vô lậu trong Bát thức Tâm vương, căn bản các luận sư chia ra *bản hữu chủng tử* và *tân huân chủng tử*. Nếu thứ nào mà tất cả loài hữu tình, từ vô thi kiếp trở lại đã có sẵn, thì gọi là bản hữu chủng tử; nếu thứ nào mà do những tác dụng thấy, nghe, hay, biết của chúng ta huân tập mới thành thì gọi là tân huân chủng tử. Trước hết, vì có bản hữu chủng tử làm nhân, mới sinh ra hiện hạnh của bảy thức trước, rồi do hiện hạnh của bảy thức trước làm nhân lại huân tập vào ruộng bát thức mà sinh thành chủng tử của mỗi loại. Lại do chủng tử tân huân ấy làm nhân, sinh lại hiện hạnh của bảy thức trước. Như vậy, chúng cứ xoay vần sinh khởi lẫn nhau, không có lúc nào ngừng trong Bát thức. Trong *Duy thức luận* viết: “Chủng tử sinh ra hiện hạnh, hiện hạnh huân tập thành chủng tử, ba pháp ấy biến chuyển mãi, nhân và quả đồng một lần”¹².

Vị trí của Bát thức Tâm vương và 51 Hành tâm sở trong Duy thức học Phật giáo đóng vai trò hạt nhân quan trọng. Theo Duy Thức thì tâm là thức, là cái biết, gồm sáu thức quen thuộc và thêm vào hai thức mới. Tuy gọi là mới so với Vi Diệu Pháp nhưng Alaya thức đã được nói đến trong các kinh: Lăng Nghiêm, Lăng Già, và Thắng Man. Cũng nhờ thêm A-lại-da và Mạt na nên người đời sau với căn tính nhị nguyên, dễ khái niệm được cái gì là tâm, cái gì chấp ngã trong Ngũ uẩn và cái gì đi tái sinh. Ngoài ra, khái niệm Alaya thức như Căn bản thức rất đáng được đề cập, bởi vì xưa nay khi nói đến thức, đa số đều nói thức phát sinh là do căn và trần tiếp xúc với nhau. Như thế thì thức chỉ là một loại sản phẩm của căn và trần, căn + trần = thức, thí dụ như khi con mắt (căn) thấy sắc (trần) thì phát sinh ra nhãn thức. Bình thường có lý, nhưng xét kỹ thì nó chỉ đúng với sáu thức đầu, bởi vì nếu không có sự

tác ý của tâm (căn bản) thì mắt không thể hướng tới vật và thấy vật. Con mắt nếu không có *Căn bản thức* tiềm tàng bên trong thì mắt đó không thể thấy gì hết, và đương nhiên là không thể phát sinh ra nhãn thức được. Một cái thân mà không có *Căn bản thức* bên trong thì đó là một xác chết, dù lấy dao chém cách mấy cũng không cảm thụ đau đớn. Do *Căn bản thức* tiềm tàng bên trong nên khi sáu căn (mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý) tiếp xúc với sáu trần mới phát sinh ra sáu thức được. Trong *Thập Nhị Nhân Duyên*, vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh sắc. Thức ở đây chính là A-lại-da. Từ A-lại-da mới sinh ra danh sắc là Ngũ uẩn, trong đó bao gồm sáu giác quan.

Ngay trong Lộ trình Tâm của Vi Diệu Pháp, ở Sát na thứ 4 là “nhãn môn hướng tâm”, tức là tâm hướng về đối tượng qua con mắt, rồi sau đó nhãn thức mới sinh khởi ở Sát na thứ 5.

Như vậy, nhãn thức sinh khởi nhờ có dòng tâm thức (Hữu phần) hướng qua con mắt (căn) mới thấy được trái xoài (trần).

Trong *Kinh Lăng Nghiêm* có viết: “nhất tinh minh sinh lục hòa hợp”, tức là có một cái sáng suốt tinh anh sinh ra sáu cái biết hòa hợp không chống trái nhau. Cái sáng suốt tinh anh này là tính giác, nương nơi sáu căn mà phát sinh ra sáu tính: *thấy, nghe, ngửi, nếm, xúc, biết*. Khi trở về với tính giác thì sáu căn có thể dùng thay lẫn nhau: A-Nan, há ông không biết ở trong hội này, ông A-Na-Luật đà không có mắt mà thấy, rồng Bạt Nan-Đà không có tai mà nghe, thần nữ Căng già không có mũi mà ngửi biết hương, ông Kiều phạm ba đề lưỡi khác mà biết vị, thần Thuần - Nhã - Đa không có thân mà biết xúc, ông Ma ha Ca Diếp đã diệt ý căn lâu rồi mà vẫn rõ biết cùng khắp. Như vậy, không nhất thiết phải có căn mới sinh ra thức, bởi vì thức đã có sẵn rồi, nó chỉ nương qua căn mà phát hiện.

Đối với 51 món tâm sở trong Duy thức học chỉ có 11 phần thuộc về thiện, còn lại 40 phần thuộc về bất thiện cho nên khi đối diện với cuộc sống con người có nhiều khuynh hướng chạy theo tham đắm si mê là như vậy.

Vì Thụ, Tướng thuộc về Biến hành nên trong vũ trụ đã có sẵn những chủng tử hay những hạt nhân nghĩa là trong bản thể Như Lai Tàng đã có sẵn hạt giống Thụ, Tướng rồi. Khi con người được sinh ra

thì Thụ, Tướng tác động vào thành Tâm sở của người ấy. Hành uẩn và Thức uẩn cũng thế, chúng đã có sẵn những chủng tử trong bản thể Như Lai Tàng (Alaya thức) trong hư không vô cùng vô tận để tác tạo thành Tâm vương.

Như vậy, có thể thấy rằng giữa Tâm vương và Tâm sở có vị trí đặc biệt bao trùm trong Duy thức học Phật giáo. Các Tâm vương tuy làm chủ tất cả mọi sự hiểu biết, nhưng phải nhờ đến các Tâm sở trợ giúp thì mới có thể hoạt động với vạn pháp. Các Tâm vương không thể tự động hoạt động để có nhận thức và tạo nghiệp, nếu như các Tâm sở không chịu hướng dẫn và chỉ đạo. Đối với vạn pháp, các Tâm sở thường xuyên ràng buộc, điều khiển tất cả mọi sự hoạt động của các Tâm vương. Các Tâm sở không cho các Tâm vương hoạt động trực tiếp và hiểu biết đúng nghĩa và lý về vạn pháp.

Vì liên hệ ràng buộc với các Tâm sở, thành thử các Tâm vương hình như không còn trung thực trong mọi sự nhận thức về vạn pháp. Hầu hết bị các Tâm sở lôi cuốn và xúi giục, thường xuyên gây tạo những nghiệp nhân thiện ác để rồi tự mình chuốc lấy biết bao quả báo khổ vui bất an trong thế gian. Các Tâm sở thì điều khiển gây nhân, còn các Tâm vương thì lại thụ hưởng quả báo. Sự liên hệ giữa các Tâm vương và các Tâm sở được biểu hiện như sau:

Các Tâm vương như trước đã nói làm chủ sự hiểu biết về vạn pháp. Nếu như không có các Tâm vương hoạt động, sự hiểu biết về vạn pháp không có ai thay thế được, nhưng các Tâm vương mỗi khi hoạt động thì không còn tự chủ để lãnh đạo trong việc hiểu biết. Các Tâm vương thường xuyên bị các Tâm Sở như: Tham lam, Sân hận, Si mê, Kiêu mạn, Nghi kỵ, Ác kiến, v.v... thay nhau xúi giục gây tạo các nghiệp dữ như: sát hại, trộm cướp, tà dâm, vọng ngữ, v.v... Những nghiệp dữ này trở lại lôi kéo các Tâm vương sa đọa vào những con đường tội ác như: Địa Ngục, Ngạ Quỷ, Súc Sinh,...

Ngược lại, các Tâm vương nếu như lãnh đạo sáng suốt và tự chủ trong mọi sự hoạt động để hiểu biết về vạn pháp, đồng thời lại còn được các Tâm Sở Thiện, như: Tín, Tàm, Quý, Vô Tham, Vô Sân, Vô Si,... ra tay giúp đỡ thì nhất định sẽ phát sinh trí tuệ và cũng sẽ giải thoát mọi khổ đau sinh tử trong thế gian.

Tóm lại, sự ra đời của Duy thức học gắn liền với lịch sử hình thành và phát triển của Phật giáo Ấn Độ và Trung Quốc sau đó dần dần phát triển sâu rộng và lan ra các xứ cận đông như Nhật Bản, Trung Quốc, Triều Tiên, Mông Cổ,... Duy thức học có vai trò quan trọng trong hệ thống triết học Phật giáo, chính là Pháp tướng Duy thức chỉ cho tất cả mao tướng, nghĩa tướng, thể tướng của tất cả các pháp, đều do một thứ năng lực mà được tồn tại. “Ba cõi duy tâm, vạn pháp duy thức”. Thứ năng lực ấy chính là Tâm thức (Bát thức Tâm vương). Muốn để thể hiện được hoặc nhận thức được, phân biệt được sự vật thì buộc phải có Tâm sở hữu pháp (51 hành tâm sở). Hay nói một cách ngắn gọn: Thức là nguồn gốc của tất cả, là bản chất của tất cả, còn Tâm số là sự biểu hiện của Tâm vương (là công cụ sở hữu của Tâm vương khi Tâm vương phát khởi)/.

CHÚ THÍCH:

- 1 Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Phân viện nghiên cứu Phật học (2004), *Từ điển Phật học Hán Việt*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội: 128.
- 2 Giải Minh (soạn dịch) (2011), *Thuật ngữ Duy thức học*, Nxb. Phương Đông, Tp. Hồ Chí Minh: 19.
- 3 Hòa thượng Tuyên Hóa (giảng thuật), (Thích Thuận Châu dịch) (2006), *Kinh Thủ Lăng Nghiêm (tập 3)*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội: 102.
- 4 Giáo hội Phật giáo Việt Nam (2002), *Duy thức Tam Thập tụng*, Lưu hành nội bộ: 15.
- 5 Giải Minh (dịch) (2002), *Lược khảo Duy thức dịch Khoa học phương pháp (phương pháp khoa học của Duy thức) (tập II)*, Lưu hành nội bộ: 44.
- 6 5 ngôi biến hành, 11 thiện Tâm sở, 20 tùy phiền não, 5 ngôi Biệt cảnh, 6 căn bản phiền não, 4 Tâm sở bất định
- 7 Giáo hội Phật giáo Việt Nam (2002), *Duy thức Tam Thập tụng*, Lưu hành nội bộ: 9.
- 8 Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Phân viện nghiên cứu Phật học (2004), *Từ điển Phật học Hán Việt*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội: 116.
- 9 Giải Minh (soạn dịch) (2011), *Thuật ngữ Duy thức học*, Nxb. Phương Đông, Tp. Hồ Chí Minh: 354.
- 10 Đại sư Thái Hư (2009 - Thích Tâm Hoan dịch), *Khái luận về Duy thức học*, Nxb Văn hóa Sài gòn, tr.9
- 11 Tường Duy Kiều, Thích Đạo Quang (soạn, dịch, 1996), *Đại cương triết học Phật giáo*, Nxb. Thuận Hóa, Huế: 142-143.
- 12 Tường Duy Kiều, Thích Đạo Quang (soạn, dịch, 1996), *Đại cương triết học Phật giáo*, Nxb. Thuận Hóa, Huế: 148-149.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Giáo hội Phật giáo Việt Nam (2002), *Duy thức Tam Thập tụng*, Lưu hành nội bộ.
2. Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Phân viện nghiên cứu Phật học (2004), *Từ điển Phật học Hán Việt*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
3. Hòa thượng Tuyên Hóa (giảng thuật), (Thích Thuận Châu dịch) (2006), *Kinh Thủ Lăng Nghiêm (tập 3)*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
4. Đại sư Thái Hư (Thích Tâm Hoan dịch, 2009), *Khái luận về Duy thức học*, Nxb. Văn hóa Sài Gòn.
5. Trương Duy Kiều, Thích Đạo Quang (soạn, dịch, 1996), *Đại cương triết học Phật giáo*, Nxb. Thuận Hóa, Huế.
6. Giải Minh (dịch, 2002), *Lược khảo Duy thức dịch Khoa học phương pháp (Phương pháp khoa học của Duy thức) (tập II)*, Lưu hành nội bộ.
7. Giải Minh (soạn dịch) (2011), *Thuật ngữ Duy thức học*, Nxb. Phương Đông, Tp. Hồ Chí Minh.

Abstract**THE CONCEPTION OF YOGACHARA ABOUT THE MENTAL FACTORS CITTARAJA AND CETASIKA**

Yogachara has played a crucial role in the Buddhist philosophy and it has been considered as a science of the nature of humanity, of the universe. It indicates the origin of consciousness, human mental states, thought, emotion, action and it thoroughly explains the relationship between human beings and events derived from consciousness. Therefore, a detailed research of Yogachara will enrich and complement the fundamental issues of Buddhist philosophy in particular, Indian philosophy in general. This paper interprets the conception of Yogachara about mental factors and indicates its role in Buddhist philosophy.

Keywords: Buddhist philosophy, Yogachara, mental factors: cittarāja, cetasika